

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày: 28-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà Lê Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1985, tại Q Nam

Nơi cư trú: T, P. A, TX. Đ, tỉnh Q N

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Võ Thị H; gia đình có 04 chị em bị cáo là con thứ 3, bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và có một con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/7/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Q Nam tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/2010/HS-ST;

- Ngày 27/3/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Q Nam xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2013/HSPT;

- Ngày 18/12/2020 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 81/2020/HS-ST.

- Ngày 09/10/2020 bị Công an thành phố Hội An, tỉnh Q Nam khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Viết Q, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1995, tại Q Nam

Nơi cư trú: Bằng T, P. A, TX. Đ, tỉnh Q Nam.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Viết N (Sinh năm 1962) và bà Mai Thị H (Sinh năm 1969); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2018 bị Công an phường A, thị xã Đ, tỉnh Q Nam xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trần T, sinh năm 1949; có mặt.

Trú tại: Thôn H, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn S, sinh năm 1958; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Khối phố Đ, phường A, thị xã Đ, tỉnh Q Nam

2. Bà Mai Thị H, sinh năm 1969; có mặt

Trú tại: Khối phố Bằng T, phường A, thị xã Đ, tỉnh Q Nam.

3. Doanh nghiệp tư nhân Hiệu Vàng Quốc L. Đại diện hợp pháp ông Trần Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 65 Trần T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 45 phút ngày 02/7/2020, Trần Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda CUB50 màu xanh BKS 43KA-3644 của Lê Viết Q chở Q đi từ phường A, thị xã Đ, tỉnh Q Nam ra xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng để tìm nhà dân nào sở hữu thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. P điều khiển xe chở Q đi trên tuyến Quốc lộ 1A hướng Q Nam đi Đà Nẵng, khi qua ngã ba Tứ Câu khoảng 100m thì P điều khiển xe rẽ trái vào một đường bê tông. Đi khoảng hơn 01 km, P và Q gặp một mương nước thủy lợi thì rẽ phải đi dọc mương nước này. Khi đến trước nhà ông Trần T; trú thôn H, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng, P phát hiện nhà ông T không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. P nói Q đứng ngoài canh giới; sau đó P đi vòng ra phía sau nhà ông T thì thấy cửa sau nhà ông T khóa. Lúc này, P lấy một cái bay và một cái búa đinh để trên tủ gỗ sát cửa rồi cạy cửa đột nhập vào bên trong phòng ngủ. P lục lọi, tìm kiếm trong phòng ngủ thì thấy một con heo và hộp nhựa để trong tủ. P đập bể con heo đất lấy trộm được số tiền 1.800.000 đồng và mở hộp nhựa lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ, còn 02 nhẫn vàng tây thì P vớt lại ở vườn rau nhà ông T và 01 cái lách tay màu vàng.

Sau khi trộm được tài sản, P chia cho Q số tiền 1.500.000 đồng, 01 cái lách tay (vàng giả không có giá trị) và 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ. Những tài sản còn lại thì P giữ lại, khoảng 02 ngày sau P đem sợi dây chuyền vàng đến bán cho hiệu vàng Quốc L ở thị trấn Đ với giá 14.600.000 đồng.

Qua điều tra và xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang đã lấy lời khai của Trần Văn P và Lê Viết Q. Qua làm việc P và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 36/KLGĐ ngày 12/10/2020, Hội đồng định giá T tuyên trong tố tụng hình sự huyện Hòa Vang đã xác định:

- 01 (một) dây chuyền vàng 24K cân lượng 04 chỉ có giá trị là: 18.800.000 đồng.
- 01 (một) nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ có giá trị là: 4.700.000 đồng;
- 01 (một) nhẫn vàng 24K cân lượng 0,3 chỉ có giá trị là: 1.410.000 đồng.
- 01 (một) nhẫn vàng 18K cân lượng 03 chỉ có giá trị là: 9.510.000 đồng.
- 01 (một) nhẫn vàng 18K mua vào năm 2014 không đủ căn cứ để xác định giá trị.

Tuy nhiên, đối với 01 (một) nhẫn vàng 18K cân lượng 03 chỉ có giá trị là: 9.510.000 đồng, quá trình điều tra bị hại không có chứng từ chứng minh, bị cáo P khai nhận chỉ lấy 1,8 triệu đồng để trong heo đất và không lấy chiếc nhẫn vàng nêu trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ. Nếu sau này bị hại chứng minh được tài sản bị mất thì giải quyết bằng vụ án khác.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q đã chiếm đoạt của ông Trần T là 26.710.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSNDHV ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo:

Trần Văn P và Lê Viết Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn P mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Viết Q mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Honda CUB màu xanh BKS 43KA-3644, số máy: VKV1P50FMG0117279, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang đang xác minh làm rõ chủ sở hữu, khi nào xác minh được chủ sở hữu sẽ xử lý sau là có căn cứ nên không đề cập đến.

Phân dân sự: Bị cáo Lê Viết Q đã tác động gia đình bồi T cho bị hại Trần T số tiền là 1.500.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ; bị cáo

Trần Văn P, tại phiên tòa đã tác động gia đình bồi T số tiền 5.000.000 đồng, ông T yêu cầu bị cáo P tiếp tục bồi T cho mình số tài sản bị chiếm đoạt còn lại gồm: 04 chỉ vàng 24K, 03 chỉ vàng 18K và 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 0,3 chỉ sau khi trừ số tiền 5 triệu đồng; đồng thời, ông T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Viết Q và Trần Văn P.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo P và Q thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Sinh, đại diện hợp pháp của Doanh nghiệp tư nhân Hiệu Vàng Quốc L đã được Tòa án triệu tập nhưng có đơn xin vắng mặt và trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ. Do vậy, việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt của những người trên.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 02/7/2020 bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Trần T trú tại thôn H, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng lấy trộm: Số tiền để trong heo đất là 1.800.000 đồng và 01 dây chuyền vàng 24K cân lượng 04 chỉ, 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ, 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 0,3 và 01 nhẫn vàng 18K không xác định được giá trị. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q chiếm đoạt của ông Trần T là 26.710.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Hành vi trên của bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 02/CT-VKSNDHV ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q thì thấy:

Bị cáo P và Q là người có đầy đủ năng lực hành vi, đều biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính liều lĩnh, muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng không bằng thành quả lao động của mình nên rủ nhau cùng đi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin đối với mọi người xung quanh, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

Đối với bị cáo Trần Văn P: Bị cáo là người đề xướng rủ rê bị cáo Lê Viết Q đi trộm cắp tài sản, bị cáo là người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda CUB50 màu xanh BKS 43KA-3644 chở Q đi từ phường A, thị xã Đ ra xã Hòa P, Hòa Vang để tìm nhà dân nào sở hữu thì đột nhập vào trộm cắp tài sản; đồng thời bị cáo P là người trực tiếp lấy một cái bay và một cái búa đinh làm công cụ cạy cửa đột nhập vào bên trong phòng ngủ nhà ông T, lục lọi, tìm kiếm tài sản; giá trị tài sản bị cáo P chiếm đoạt sau khi chia cho bị cáo Q gồm: 01 (một) dây chuyền vàng 24K cân lượng 04 chỉ có giá trị là: 18.800.000 đồng, 01 (một) nhẫn vàng 24K cân lượng 0,3 chỉ có giá trị là: 1.410.000 đồng, số tiền 300.000 đồng; tổng số tiền bị cáo P chiếm đoạt là 20.510.000 đồng.

Đối với bị cáo Lê Viết Q: Bị cáo là người biết rõ việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng khi nghe bị cáo P rủ rê, bị cáo Q không can ngăn mà đồng ý cùng thực hiện, bị cáo là người cảnh giới để bị cáo P vào trong nhà ông T trộm cắp tài sản, sau khi trộm được tài sản bị cáo được chia một phần tài gồm: Số tiền 1.500.000 đồng, 01 cái lách tay (vàng giả không có giá trị) và 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ có giá trị 4.700.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo Q chiếm đoạt là 6.200.000 đồng.

Do đó, khi áp dụng hình phạt cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo P có vai trò cao hơn bị cáo Q nên bị cáo P phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Q.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q thì thấy:

Bị cáo Trần Văn P là người có nhân thân xấu, ngày 22/7/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Q Nam tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/2010/HS-ST, ngày 27/3/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh

Q Nam 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2013/HSPT, ngày 18/12/2020 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 81/2020/HS-ST, ngày 09/10/2020 bị Công an thành phố Hội An, tỉnh Q Nam khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo Lê Viết Q là người chưa có tiền án, tiền sự, nhưng về nhân thân vào năm 2018 bị Công an phường A, thị xã Đ, tỉnh Q Nam xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi xảy ra hành vi bị cáo đã tác động gia đình bồi T thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả, người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo tuy cùng thực hiện một hành vi phạm tội, nhưng khi thực hiện hành vi không có sự cấu kết, phân công vai trò giữa từng người nên hành vi của bị cáo P và Q chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang không truy tố các bị cáo theo tình tiết phạm tội có tổ chức là có căn cứ pháp luật.

[3] Trong vụ án này bị hại khai mất khoảng 3.000.000 đồng để trong heo đất và 01 nhẫn vàng 18K cân lượng 03 chỉ. Nhưng quá trình điều tra bị hại không có chứng từ chứng minh, bị cáo P khai nhận chỉ lấy 1.800000 đồng để trong heo đất và không lấy chiếc nhẫn vàng nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có căn cứ chứng minh bị hại mất khoảng 3.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 18K cân lượng 03 chỉ, nếu sau này bị hại chứng minh được tài sản bị mất đó thì giải quyết bằng vụ án khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[4] Đối với chiếc lách tay kim loại màu vàng bị hại khai nhận là lách giả không có giá trị và không yêu cầu định giá cũng như đền bù, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Honda CUB màu xanh BKS 43KA-3644, số máy: VKV1P50FMG0117279, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang đang xác minh làm rõ chủ sở hữu, khi nào xác minh được chủ sở hữu sẽ xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị cáo Lê Viết Q đã tác động gia đình bồi T cho bị hại ông Trần T số tiền là 1.500.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng 24K cân lượng 01 chỉ ông T đã

nhận đủ và không yêu cầu bị cáo Q bồi T gì thêm; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Viết Q nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Đối với bị cáo Trần Văn P đã bồi T cho bị hại ông Trần T số tiền 5.000.000 đồng. Ông T yêu cầu bị cáo P tiếp tục bồi T số tài sản bị chiếm đoạt còn lại gồm: 04 chỉ vàng 24K, 03 chỉ vàng 18K và 01 nhẫn vàng 24K cân lượng 0,3 chỉ sau khi trừ số tiền 5 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số vàng của bị hại mất do bị cáo P chiếm đoạt đã được định giá và quy đổi thành tiền Việt Nam đồng, nên bị cáo P có trách nhiệm phải bồi T lại cho ông T bằng tiền Việt Nam đồng, tương ứng với giá trị định giá tài sản tại thời điểm bị mất nên yêu cầu bồi T bằng vàng của ông T không được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc bị cáo P có trách nhiệm bồi T cho ông T số tiền 15.510.000 đồng.

[7] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng, cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[9] Về án phí hình sự: Bị cáo P và Q, mỗi bị cáo phải 200.000 đồng theo quy định. Án phí dân sự, bị cáo P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Tuyên bố:* Bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Viết Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 04/9/2020.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn P bồi T số tiền số tiền 15.510.000đ (mười lăm triệu năm trăm mười ngàn đồng) cho ông Trần T.

[5] *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn P và Lê Viết Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn P phải chịu 775.500đ (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/01/2021.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh